

Bản án số: 79/2018/DS-PT

Ngày 07 - 5 - 2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho  
quyền sử dụng đất và hủy quyết  
định cá biệt.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh;

*Các thẩm phán:* Ông Trương Văn Bình;

Ông Đặng An Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:***

1/. Ông Nguyễn Hải Q, sinh năm 1964. (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1941. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thuấn Th – Chủ tịch. (vắng mặt)

2/. Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Th – Chủ tịch. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hải Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th trình bày:*

Ông Th được mẹ là cụ Nguyễn Thị H cho diện tích đất 5221m<sup>2</sup> tọa lạc ấp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An trước năm 1975. Năm 1996, có chủ trương kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ông đã kê khai và ngày 30/12/1996, ông được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 803/QSDD/0514-LA đối với thửa đất 1091, diện tích 1170m<sup>2</sup>; thửa 1093, diện tích 2.130m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 5, loại đất lúa. Ngày 01/8/1998, chị ruột của ông là bà Nguyễn Thị B cũng được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1092, diện tích 5221m<sup>2</sup>; thửa 1094, diện tích 3363m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 5, loại đất lúa. Khi cấp giấy không đo đạc, cấp đại trà, sau khi nhận giấy thì ông không xem cụ thể diện tích. Sau khi được cấp ông cũng không kiểm tra thuộc thửa nào, diện tích bao nhiêu, chỉ quản lý và sử dụng.

Năm 2005, khi Nhà nước giải tỏa khu vực này thì ông mới biết thửa đất ông đang quản lý sử dụng từ năm 1980 là thửa 1092 có diện tích là 5.221m<sup>2</sup> đã bị cấp nhầm cho bà Nguyễn Thị B đứng tên. Sau đó, bà B đã chuyển nhượng con ruột là Nguyễn Hải Q, ông Q đã được cấp giấy ngày 17/2/2005. Thửa đất bà Nguyễn Thị B quản lý là 1091, 1093 thì lại do ông đứng tên. Ông đã nhiều lần khiếu nại đề nghị thu hồi giấy đã cấp cho ông Q đối với thửa 1092 để cấp lại cho ông. Địa phương cũng có xác nhận thửa đất này Ông Th đang quản lý nhưng không thu hồi. Hiện tại thửa đất này là do ông Nguyễn Ngọc C đang thuê của Ông Th để làm đầm nuôi tôm. Nay Ông Th khởi kiện yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01040 QSDD/0514LA do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 01/8/1998 đối với thửa đất 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0071/CNQSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp cho anh Nguyễn Hải Q ngày 17/2/2005 đối với thửa đất 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 402/CN ngày 25/01/2005 từ bà Nguyễn Thị B sang cho anh Nguyễn Hải Q tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

Ông Th xác định thửa đất tranh chấp có vị trí, diện tích như Mảnh trích đo địa chính số 05 do Công ty H thực hiện ngày 14/3/2017 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C phê duyệt ngày 14/4/2017.

*Bị đơn ông Nguyễn Hải Q và bà Nguyễn Thị B do ông Q đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thửa đất 1092, diện tích 5.221m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 5, loại đất lúa có nguồn gốc của mẹ là bà Nguyễn Thị B nhận chuyển nhượng từ em ruột là ông Nguyễn Hữu C năm 1980 với giá 10 chỉ vàng và được cấp giấy ngày 01/8/1998. Bà B chuyển nhượng cho ông và ông được cấp giấy ngày 17/2/2005. Mẹ ông cho em ruột là ông Nguyễn Hữu Th sử dụng từ năm 1980 đến khi chuyển nhượng lại cho ông thì ông cũng để cho ông Th tiếp tục sử dụng với mục đích nuôi tôm. Sau đó ông Th cho người khác thuê nhưng ông không biết. Ông Th kiện đòi hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 01/8/1998 và cấp cho ông ngày 17/2/2005 cũng như hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/01/2005 từ bà B sang cho ông đối với thửa đất 1092 ông không đồng ý vì việc cấp quyền sử dụng đất cho ông là đúng quy định. Ông Q có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông Th trả đất lại cho ông thửa 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5.221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

Ông Q xác định, thửa đất tranh chấp là do mẹ ông chuyển nhượng lại cho một mình ông. Đây là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của ông và vợ là bà Em. Hiện tại thửa đất này là do ông Nguyễn Ngọc C đang thuê của ông Th để làm đầm nuôi tôm. Ông Q thống nhất xác định thửa đất tranh chấp có vị trí diện tích như Mảnh trích đo địa chính số 05 do Công ty H thực hiện ngày 14/3/2017 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C phê duyệt ngày 14/4/2017.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Ph có ý kiến tại Tờ trình số 414 như sau:*

Thửa 1091, tờ bản đồ số 05 diện tích 1170m<sup>2</sup> loại đất trồng LUA và thửa 1093, tờ bản đồ số 05 diện tích 2139m<sup>2</sup> loại đất trồng LUA tại ấp Đ, xã Ph do ông Nguyễn Hữu Th đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do mẹ ruột để lại từ trước 1975 đến ngày 30/12/2016 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực tế lại do ông Nguyễn Hải Q sử dụng.

Thửa 1092, tờ bản đồ số 05, diện tích 5221m<sup>2</sup> loại đất trồng LUA tờ bản đồ số 05 tại ấp Đ, xã Ph do ông Nguyễn Hải Q đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ mẹ ruột tên Nguyễn Thị B theo hợp đồng số 402 HĐ.CN ngày 17/02/2005 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2005 thực tế do ông Nguyễn Hữu Th sử dụng.

Kết luận: Không thu hồi cấp lại thửa 1092 tờ bản đồ số 05 diện tích 5221m<sup>2</sup> loại đất trồng LUA do ông Th vì ngày 01/8/1998 đã cấp cho bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của ông Q, đến ngày 17/02/2005 bà B đã chuyển nhượng cho ông Q thông qua hợp đồng chuyển nhượng. UBND huyện đã cấp quyền sử dụng

đất cho ông Q nên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C xin giải quyết vắng mặt, không có ý kiến.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th đối với ông Nguyễn Hải Q và bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

1.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01040 QSDĐ/0514LA do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 01/8/1998 đối với thửa đất 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

1.2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0071/CNQSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Hải Q ngày 17/2/2005 đối với thửa đất 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

1.3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 402/CN ngày 25/01/2005 từ bà Nguyễn Thị B sang cho ông Nguyễn Hải Q tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

1.4. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 803/QSDĐ/0514-LA của UBND huyện C đã cấp đối với thửa đất 1091, diện tích 1170m<sup>2</sup>; thửa 1093, diện tích 2.130m<sup>2</sup> cùng TĐĐ số 5, loại đất lúa cho ông Nguyễn Hữu Th.

2. Các bên đương sự được quyền kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất cho đúng với số thửa và diện tích đất thực tế sử dụng.

2.1. Ông Nguyễn Hữu Th được kê khai đăng ký diện tích đất đo đạc thực tế 4917,4m<sup>2</sup> + 67,2m<sup>2</sup> = 4984,6m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1092, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An. Đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 1094, 1093, 1091;

Tây giáp thửa 981, 1089;

Nam giáp 1090;

Bắc giáp Lối đi công cộng;

(Theo trích đo địa chính số 05 ngày 14/4/2017 của Công ty H).

2.2. Ông Nguyễn Hải Q được kê khai đăng ký diện tích đất đối với thửa đất 1091, thửa 1093 cùng TĐĐ số 5, loại đất lúa tủa lạc áp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ghi nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hải Q không tranh chấp tiền thuế đất đã nộp trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/8/2017, bị đơn ông Nguyễn Hải Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Hải Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thửa đất số 1092, tờ bản đồ số 5 có diện tích 5.221m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của mẹ ông mua từ năm 1980, đến năm 2005 thì mẹ ông chuyển quyền lại cho ông. Giữa ông và ông Th có hoán đổi 2 thửa đất với nhau cho thuận tiện trong việc đào ao nuôi tôm, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì của người nào người đó sử dụng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện C, tỉnh Long An và UBND xã Ph, huyện C, tỉnh Long An vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Theo lời trình bày của ông bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị M là anh chị ruột của ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị B thì thửa đất số 1092 có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị H là mẹ ruột cho ông Th vào năm 1979. Những lời khai này phù hợp với thực tế khi ông Th là người trực tiếp sử dụng thửa đất này và hiện nay đang cho ông Nguyễn Ngọc C thuê để nuôi tôm. Ông C và chính bị đơn ông Nguyễn Hải Q cũng thừa nhận ông Th là người làm hợp đồng cho ông Cuộng thuê thửa đất số 1092 để nuôi tôm từ trước đến nay.

Ông Q và bà B trên thực tế chưa từng sử dụng, canh tác tại thửa đất số 1092 mà chỉ trực tiếp sử dụng hai thửa 1091, 1093. Hai thửa đất này lại do ông Th đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, ông Th đang quản lý sử dụng thửa đất số 1092 nhưng cơ quan quản lý đất đai lại cấp giấy chứng nhận cho bà B; trong khi bà B đang quản lý sử dụng thửa đất số 1091, 1093 thì cơ quan quản lý đất đai lại cấp giấy chứng nhận cho ông Th. Từ đó có cơ sở xác định việc UBND huyện C, tỉnh Long An cấp quyền sử dụng đất cho hai bên là không đúng đối tượng, có sự nhầm lẫn do không có sự thẩm định trên thực tế. Do bà B được cấp quyền sử dụng đất không có căn cứ nên bà B không có quyền tặng cho, chuyển nhượng cho ông Q vào năm 2005.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, xác định phần đất tranh chấp là thửa 1092 thuộc quyền sử dụng đất của ông Th đồng thời tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp do nhầm lẫn, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và ông Q là có cơ sở, đúng quy định. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hải Q phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th đối với ông Nguyễn Hải Q và bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

1.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01040/QSDĐ/0514LA do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 01/8/1998 đối với thửa đất 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

1.2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0071/CNQSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Hải Q ngày 17/2/2005 đối với thửa đất 1092 tờ bản đồ số 5, diện tích 5221m<sup>2</sup> tọa lạc xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

1.3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 402/CN ngày 25/01/2005 từ bà Nguyễn Thị B sang cho ông Nguyễn Hải Q tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

1.4. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 803/QSDĐ/0514-LA của UBND huyện C đã cấp đối với thửa đất 1091, diện tích 1170m<sup>2</sup>; thửa 1093, diện tích 2.130m<sup>2</sup> cùng TĐ số 5, loại đất lúa cho ông Nguyễn Hữu Th.

2. Các bên đương sự được quyền kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất cho đúng với số thửa và diện tích đất thực tế sử dụng.

2.1. Ông Nguyễn Hữu Th được kê khai đăng ký diện tích đất đo đạc thực tế 4917,4m<sup>2</sup> + 67,2m<sup>2</sup> = 4984,6m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1092, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An. Đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 1094, 1093, 1091;

Tây giáp thửa 981, 1089;

Nam giáp 1090;

Bắc giáp Lối đi công cộng;

(Theo trích đo địa chính số 05 ngày 14/4/2017 của Công ty H).

2.2. Ông Nguyễn Hải Q được kê khai đăng ký diện tích đất đối với thửa đất 1091, thửa 1093 cùng TĐ số 5, loại đất lúa tọa lạc ấp Đ, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ghi nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hải Q không tranh chấp tiền thuế đất đã nộp trong vụ án này.

4. Lệ phí đo đạc, thẩm định, định giá: 10.000.000 đồng mỗi bên chịu ½.

Ông Nguyễn Hữu Th chịu 5.000.000 đồng (đã nộp xong).

Ông Nguyễn Hải Q và bà Nguyễn Thị B liên đới chịu và nộp 5.000.000 đồng để hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Th.

5. Về án phí:

5.1. Ông Nguyễn Hữu Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000482 ngày 18/11/2016 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

5.2. Ông Nguyễn Hải Q và bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

5.3 Ông Nguyễn Hải Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009798 ngày 22/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Bình**

**Đặng An Thanh**

**Nguyễn Văn Minh**